

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2022

V/v: *Ly hôn, nuôi con C sau ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vi Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Lệ Thu

2. Bà Cà Nguyễn Duyên

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Xuân Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 06/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung sau ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Hà Sỹ C.** Sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ 10, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

Bị đơn: Chị **Dương Thị T.** Sinh năm 1983. Vắng mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 10, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Hiện nay sinh sống và làm việc tại: 1422 – 5 Jeongwang – dong, Siheung – si, Gyeonggy – do, Korea (Hàn Quốc).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 16/6/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hà Sỹ C trình bày:

**** Về quan hệ hôn nhân:***

Anh và chị Dương Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 11/6/2007.

Sau khi kết hôn anh và chị T chung sống hạnh phúc và có 01 con chung là cháu Hà Dương Duy A, sinh ngày 28/11/2008. Năm 2014, chị Dương Thị T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Sau khi chị T sang Hàn Quốc giữa anh và chị T không thường xuyên liên lạc, chị T sang Hàn Quốc đến nay đã 08 năm nhưng chưa lần nào về Việt Nam thăm chồng, thăm con và gia đình. Nay chị T có ý định không quay về Việt Nam mà sẽ định cư tại Hàn Quốc. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống C không thể kéo dài nên anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xem xét chấp nhận cho anh được ly hôn với chị Dương Thị T.

** Về con C:*

Trong thời kỳ hôn nhân, anh và chị T có 01 con chung là cháu Hà Dương Duy A, sinh ngày 28/11/2008. Hiện nay cháu Hà Dương Duy A đang sinh sống cùng bà ngoại là bà Hoàng Thị S, địa chỉ: Xóm A, xã H, huyện Đ và đang học tại Trường Trung học cơ sở xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Hà Dương Duy A cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện nay anh đang làm công việc lái xe cho Công ty Samsung Thái Nguyên với mức lương là 15.000.000^d/tháng, với thu nhập trên và với mức sống trung bình hiện nay tại địa phương, anh xác định có thể đảm bảo được cuộc sống của con nên không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Việc chị T tự nguyện cấp dưỡng hàng tháng và thăm nom, gắp gỡ cháu Hà Dương Duy A, anh không cản trở.

** Về tài sản chung và nợ chung:* Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị T đang ở nước ngoài không thể về Việt Nam tham gia tố tụng, chị T đã có ý kiến nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của anh nên anh đề nghị Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa xét xử trước các mốc thời gian mà Tòa án đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án.

Tại Bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chị Dương Thị T trình bày:

** Về quan hệ hôn nhân:*

Chị và anh Hà Sỹ C kết hôn ngày 11/6/2007 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung là cháu Hà Dương Duy A, sinh ngày 28/11/2008. Năm 2014, chị đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, đến nay đã 08 năm. Quá trình sang Hàn Quốc, do bận công việc nên chị và anh C không thường xuyên liên lạc, chị cũng chưa lần nào về

Việt Nam thăm chồng, con và gia đình nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, công việc của chị tại Hàn Quốc rất ổn định, chị có dự định không quay về Việt Nam mà sẽ định cư tại Hàn Quốc. Chính vì vậy chị nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của anh Hà Sỹ C, đề nghị Tòa án xem xét, chấp nhận cho anh, chị được ly hôn.

** Về con chung:*

Chị và anh C có 01 con chung là cháu Hà Dương Duy A, sinh ngày 28/11/2008. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng bà Hoàng Thị S (mẹ đẻ của chị), địa chỉ: Xóm A, xã H, huyện Đ và đang học tại Trường Trung học cơ sở xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nay chị và anh C ly hôn, do chị đang sinh sống, làm việc tại Hàn Quốc không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nên chị nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh C về việc anh C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Dương Duy A cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị có quyền được thăm nom, gặp gỡ con C, anh C không được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị nhất trí với ý kiến của anh C về việc không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung.

** Về tài sản chung và nợ chung:*

Chị xác định trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh C không có tài sản chung, nợ chung nên chị nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh C về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Như vậy, đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Hà Sỹ C về quan hệ hôn nhân, con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung chị hoàn toàn nhất trí. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xem xét, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hà Sỹ C.

** Về các thủ tục tố tụng tại Tòa án:*

Hiện nay, chị đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, do tình hình dịch bệnh Covid 19 và do điều kiện công việc nên chị không thể về Việt Nam để trực tiếp tham gia quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, chị đề nghị:

- Được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử.

- Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, phiên tòa xét xử trước các mốc thời gian mà Tòa án đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án.

- Ủy quyền cho bà Hoàng Thị S (mẹ đẻ), địa chỉ: Xóm A, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nhận toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại Biên bản làm việc ngày 03/8/2022, con chung là cháu Hà Dương Duy A trình bày:

Cháu Hà Dương Duy A là con chung của anh Hà Sỹ C và chị Dương Thị T. Hiện nay, mẹ cháu là chị T đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sống cùng bố là anh Hà Sỹ C và không yêu cầu mẹ cấp dưỡng.

Tại Biên bản làm việc, bà Hoàng Thị S, địa chỉ: Xóm A, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trình bày:

Bà là mẹ đẻ của chị Dương Thị T. Tại Bản trình bày ý kiến của chị Dương Thị T ngày 12/7/2022 có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, chị T đã ủy quyền cho bà nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà hoàn toàn nhất trí với ý kiến của chị T. Bà sẽ có trách nhiệm nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và gửi hoặc thông báo lại nội dung của các văn bản cho chị Dương Thị T.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Mặc dù có hộ khẩu thường trú tại thành phố B nhưng hiện nay anh đang làm việc tại Thái Nguyên gần nhà mẹ đẻ chị T nên anh vẫn thường xuyên đến trông nom, chăm sóc con, mua sắm các vật dụng cần thiết như quần áo, sách vở... cho con.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án và của những người tham gia tố tụng tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Anh C và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và làm thủ tục đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc. Từ năm 2014 hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do chị T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc đến nay chưa về và cũng chưa lần nào về Việt nam thăm gia đình cũng như chồng và con. Như vậy có thể xác định, từ 2014 anh C và chị T đã không còn sống C như vợ chồng, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tình trạng hôn nhân lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C .

Về con chung: Anh C và Chị T có 01 con chung là cháu Hà Dương Duy A, sinh ngày 28/11/2008, cháu A khỏe mạnh và phát triển bình thường, anh C có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu A, bản thân cháu A cũng có ý kiến khi bố mẹ ly hôn cháu ở với bố. Xét thấy, từ ngày vợ chồng anh C chị T ly thân, cháu A ở với bà ngoại tại huyện Đ, Thái Nguyên nhưng cháu A còn nhỏ tuổi, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của cả bố và mẹ, chị T đang đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc bản thân chị không có ý định quay về Việt nam, hơn nữa bố cháu đang lái xe tại Sam Sung, Thái Nguyên có thu nhập ổn định 15 triệu/ tháng đảm bảo được cuộc sống cho cháu A và đảm bảo lợi ích về mọi mặt của cháu A theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Anh cho anh C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn anh

C và chị T có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Anh C không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn, bị đơn trước khi đi xuất khẩu lao động cư trú tại tỉnh Bắc Kạn, hiện nay bị đơn đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc. Do vậy có đủ căn cứ xác định đây là vụ án Hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài. Việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại các Điều 28, 37, 39, 469/Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- *Về sự vắng mặt của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử:* Hiện nay bị đơn đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài không thể về Việt Nam tham gia tố tụng, vì vậy vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xin xét xử vắng mặt tại “Bản trình bày ý kiến” được Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc chứng thực. Do vậy việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, khoản 5 Điều 477, Điều 478 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của Tòa án:* Chị Dương Thị T ủy quyền cho bà Hoàng Thị S (mẹ đẻ chị T) nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Bà S nhất trí với ý kiến của chị T và cam kết nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và gửi hoặc thông báo lại nội dung của các văn bản cho chị Dương Thị T. Do vậy Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn sẽ thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị T theo quy định tại Điều 474/Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về thời hạn giải quyết vụ án:* Tại Bản trình bày ý kiến ngày 12/7/2022, chị Dương Thị T đề nghị Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử trước các mốc thời gian mà Tòa án đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án anh Hà Sỹ C có ý kiến: Hiện nay anh C và chị T đều nhất trí ly hôn, đã thống nhất được việc nuôi con C; không có tài sản C, nợ C và đề nghị Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa xét xử trước các mốc thời gian mà Tòa án đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án. Do vậy, việc Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử trước

các mốc thời gian đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Hà Sỹ C và chị Dương Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 11/6/2007. Vì vậy, xác định hôn nhân giữa anh Hà Sỹ C và chị Dương Thị T là hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng: Sau khi kết hôn, anh C, chị T C sống hạnh phúc và có một con C là cháu Hà Dương Duy A, sinh ngày 28/11/2008. Năm 2014, chị Dương Thị T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Sau khi chị T sang Hàn Quốc, anh C và chị T không thường xuyên liên lạc, chị T sang Hàn Quốc đến nay đã 08 năm nhưng chưa lần nào về Việt Nam thăm chồng, thăm con và gia đình. Nay cả chị T và anh C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống C không thể kéo dài. chị T xác định, công việc tại Hàn Quốc rất ổn định, chị có dự định không về Việt Nam mà sẽ định cư tại Hàn Quốc.

Hội đồng xét xử thấy: Hôn nhân giữa chị T và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh C có yêu cầu ly hôn, chị T nhất trí ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 56/Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Sỹ C, xử cho anh C được ly hôn với chị Dương Thị T.

[3.2] Về con chung:

Chị T và anh C có 01 con chung là cháu Hà Dương Duy A, sinh ngày 28/11/2008. Hiện nay cháu Hà Dương Duy A đang sinh sống cùng bà Hoàng Thị S (mẹ đẻ chị T) địa chỉ: Xóm A, xã H, huyện Đ và đang học tại Trường Trung học cơ sở xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Khi ly hôn, anh C yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con C. Chị T nhất trí với yêu cầu của anh C. Con chung là cháu Hà Dương Duy A có nguyện vọng được sống cùng bố và không yêu cầu mẹ cấp dưỡng, anh C làm công việc lái xe cho Công ty Samsung Thái Nguyên với mức lương là 15.000.000^d/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với thực tế bởi anh Hà Sỹ C hiện đang sinh sống tại Việt Nam, có việc làm, thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi và cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Hà Dương Duy A là được sống cùng bố, còn chị T đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc nên không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do vậy căn cứ Điều 81/Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh C về việc được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hà Dương Duy A cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh C không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét

Theo quy định tại Điều 82/Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh C và chị T đều thống nhất xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4] Về án phí: Nguyên đơn anh Hà Sỹ C phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 469, Điều 475, Điều 476, khoản 5 Điều 477, Điều 478, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hà Sỹ C, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Sỹ C được ly hôn với chị Dương Thị T.
2. Về con chung: Giao con chung Hà Dương Duy A, sinh ngày 28/11/2008 cho anh Hà Sỹ C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con C đủ 18 tuổi. Anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con C

Sau khi ly hôn chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con C, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Hà Sỹ C phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000058 ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận anh C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Đương sự;
- UBND phường N;
- Lưu Tổ HCTP;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vi Thị Tuyết Mai